

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông Thao đoạn km53-km54+300 xã Hiền Quan và đoạn km71+300-km72+300 xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 năm 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông Thao đoạn km53-km54+300 xã Hiền Quan và đoạn km71+300-km72+300 xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông Thao đoạn km53-km54+300 xã Hiền Quan và đoạn km71+300 km72+300 xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 906/TTr-SNN&MT ngày 13 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông Thao đoạn km53-km54+300 xã Hiền Quan và đoạn km71+300-km72+300 xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ; nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Xử lý khẩn cấp đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông

Thao đoạn km53-km54+300 xã Hiền Quan và đoạn km71+300-km72+300 xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. Địa điểm xây dựng: xã Hiền Quan và xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

4. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng MH.

6. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm C; Công trình Nông nghiệp và PTNT (Công trình đê điều) Cấp IV.

7. Mục tiêu dự án: Đảm bảo an toàn công trình đê điều, đáp ứng yêu cầu phòng chống lũ, an toàn tính mạng, nhà ở của nhiều người dân; các công trình văn hóa, di tích lịch sử; tuyến đê hữu Thao (ĐT. 315) và tuyến kè phía thượng hạ, lưu khu vực sạt lở.

8. Quy mô và giải pháp thiết kế xây dựng:

Kè hộ chân bằng đá học thả rời tạo cơ phản áp để chống sạt lở, với tổng chiều dài xây dựng 2.471,78 m (gồm thân kè, khóa đầu, cuối kè), cụ thể như sau:

8.1. Đoạn kè tương ứng từ km53-km54+300 đê hữu sông Thao thuộc địa bàn xã Hiền Quan:

- Hộ chân kè bằng đá học thả rời tạo cơ phản áp để chống sạt lở, với chiều dài xây dựng 1.374,82 m (gồm thân kè, khóa đầu, cuối kè);

- Thông số cơ bản mặt cắt kè:

+ Đoạn 1 (khóa đầu kè): Đoạn từ cọc C3 đến cọc C5 kết cấu bằng thả đá học hộ chân tạo cơ phản áp chống sạt lở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chiều dài 52,07 m; bố trí cao trình đỉnh chân kè chính là +15,50 m, hệ số mái $m=2,0$, bề rộng đỉnh thay đổi từ (0- 5,0) m;

+ Đoạn 2: Đoạn từ cọc C5 đến cọc C12 kết cấu chân kè bằng thả đá học hộ chân tạo cơ phản áp chống sạt lở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chiều dài 119,66 m. Cao trình đỉnh chân kè +15,50 m, đỉnh cơ thay đổi từ (3,5 - 5,0) m, hệ số mái $m=2,0$. Phần trên bố trí mái gia cố bảo vệ có hệ số mái thay đổi từ $m=2$ đến $m=1,5$, kết cấu đá học hộ chân, mặt ngoài xếp khan chèn chặt 50 cm tạo phẳng;

+ Đoạn 3: Đoạn từ cọc C12 đến cọc C30 kết cấu bằng thả đá học hộ chân tạo cơ phản áp chống sạt lở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chiều dài 350,32 m. Bố trí cao trình đỉnh chân kè chính là +15,5 m, hệ số mái $m=2,0$. Đỉnh cơ rộng $B=5,0m$, cục bộ tại một số mặt cắt có bề rộng lớn hơn 5 m do địa hình bờ vờ sông bị sạt lở, lồi lõm;

+ Đoạn 4: Đoạn từ cọc C30 đến cọc C33 có cao độ đỉnh chân kè chính thay đổi từ +15,50 m (tại cọc C30) về +15,0 m (tại cọc C33), kết cấu bằng thả đá học

hệ chân tạo cơ phản áp chống sạt lở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chiều dài 50,39 m; hệ số mái $m=2,0$. Đỉnh cơ rộng $B=5,0$ m, cục bộ tại một số mặt cắt có bề rộng lớn hơn 5 m do địa hình bờ vờ sông bị sạt lở, lồi lõm;

+ Đoạn 5: Đoạn từ cọc C33 đến cọc C72 kết cấu bằng thả đá học hệ chân tạo cơ phản áp chống sạt lở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chiều dài 774,02 m. Bố trí cao trình đỉnh chân kè là +15,0 m, hệ số mái $m=2,0$. Đỉnh cơ rộng $B=5,0$ m, cục bộ tại một số mặt cắt có bề rộng lớn hơn 5 m do địa hình bờ vờ sông bị sạt lở, lồi lõm.

- Đoạn 6 (khóa cuối kè): Từ cọc C72 đến cọc C75 chiều dài theo tim 28,36m, cao trình đỉnh là +15,0 m, bề rộng đỉnh thay đổi từ (5,0:-0,0) m.

8.2. Đoạn kè tương ứng từ km71+300-km72+300 đê hữu sông Thao thuộc địa bàn xã Tam Nông

- Hệ chân kè bằng đá học thả rời tạo cơ phản áp để chống sạt lở, với chiều dài xây dựng 1.096,96 m (gồm thân kè, khóa đầu, cuối kè).

- Thông số cơ bản mặt cắt kè:

+ Đoạn 1 (khóa đầu kè): Khóa đầu kè từ cọc C0-25m đến cọc C0, chiều dài theo tim 25,0 m, cao trình đỉnh +11,0 m, bề rộng đỉnh thay đổi từ (0,0:-5,0)m, kết thúc khóa đầu kè vượt qua đoạn lạch phân thủy, bố trí gia cố lòng lạch phù hợp, xuôi thuận;

+ Đoạn 2: Đoạn từ cọc C0 đến cọc C52, kết cấu bằng thả đá học hệ chân tạo cơ phản áp chống sạt lở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chiều dài 1.033,71 m. Bố trí cao trình đỉnh chân kè là +11,0 m, đỉnh cơ rộng trung bình $B= 5,0$ m, hệ số mái $m= 2,0$. Cục bộ tại một số mặt cắt có bề rộng lớn hơn 5 m do địa hình bờ vờ sông bị sạt lở, lồi lõm.

+ Đoạn 3 (khóa cuối kè): Khóa cuối kè từ cọc C52 đến cọc C54, chiều dài theo tim 38,25 m, cao trình đỉnh +11,0 m, bề rộng đỉnh thu từ (5,0:-0,0) m, điểm khóa cuối được khóa xuôi thuận vào bãi cao.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Quy chuẩn Việt Nam 04-05:2022/BNNT Quy chuẩn quốc gia công trình thủy lợi-các quy định chủ yếu về thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- Tiêu chuẩn TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8419:2022 Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9902:2023 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4055-2012: Công trình xây dựng - Tổ chức thi công;

- Các quy chuẩn, quy trình quy phạm và tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **65.839.185.000,0** đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, tám trăm ba chín triệu, một trăm tám lăm nghìn đồng chẵn*), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 60.971.460.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 1.083.937.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.983.043.000 đồng;

- Chi phí khác: 800.745.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thi công xây dựng hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 3 năm 2026;

- Lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ ngân sách trung ương.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Đơn vị thụ hưởng (đơn vị tiếp nhận tài sản sau khi dự án kết thúc): Ủy ban nhân dân xã Hiền Quan và Ủy ban nhân dân xã Tam Nông tiếp nhận tài sản sau khi công trình hoàn thành.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ dự án do đơn vị tư vấn lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình phê duyệt tại Tờ trình số 906/TTr-SNN&MT ngày 13 tháng 7 năm 2026).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ dự án, kết quả thẩm định, cơ sở pháp lý và nội dung trình phê duyệt dự án; lưu trữ hồ sơ dự án. Đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, giám sát, theo dõi hoạt động đầu tư xây dựng đối với các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước:

- Tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo mục tiêu, chất lượng, tiến độ của dự án và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; chỉ triển khai theo nguồn vốn được bố trí, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, không vượt tổng mức đầu tư và nguồn vốn được duyệt;
- Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021.

3. Ủy ban nhân dân xã Hiền Quan, Ủy ban nhân dân xã Tam Nông: tiếp nhận, quản lý tài sản theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Công Sứ